

Số: 2519 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mới
phường Tây Sơn (sau đền Quán Cháo), thành phố Tam Điệp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 516/TTr-SXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 6490/SXD-QLXD ngày 27 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mới phường Tây Sơn (sau đền Quán Cháo), thành phố Tam Điệp với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư trên địa bàn phường Tam Điệp phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I).

2. Địa điểm xây dựng: Phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Tam Điệp.

5. Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.

6. Mục tiêu dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu tái định cư của các hộ dân trên địa bàn phường Tam Điệp bị ảnh hưởng bởi dự án Xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I).

7. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư có diện tích khoảng 4,04 ha bảo đảm phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

7.1. Đường giao thông

a) Bình đồ, hướng tuyến: Xây dựng 07 tuyến đường giao thông có tổng chiều dài khoảng 1,3 km, trong đó:

- Tuyến 1: Điểm đầu giao với tuyến 3 tại nút giao N2, điểm cuối giao với tuyến 8 tại nút giao N6; chiều dài khoảng 0,27 km.

- Tuyến 2: Điểm đầu giao với tuyến 3 và tuyến 8 tại nút giao N15, điểm cuối kết thúc phạm vi thực hiện dự án; chiều dài khoảng 0,05 km.

- Tuyến 3: Điểm đầu giao với tuyến 1 tại nút giao N1, điểm cuối kết thúc phạm vi thực hiện dự án; chiều dài khoảng 0,48 km.

- Tuyến 5: Điểm đầu giao với tuyến 1 tại nút giao N3, điểm cuối giao với tuyến 3 tại nút giao N12; chiều dài khoảng 0,09 km.

- Tuyến 6: Điểm đầu giao với tuyến 1 tại nút giao N4 và kết nối với đường hiện trạng, điểm cuối giao với tuyến 3 tại nút giao N13; chiều dài khoảng 0,13 km.

- Tuyến 7: Điểm đầu giao với tuyến 1 tại nút giao N5, điểm cuối giao với tuyến 3 tại nút giao N14; chiều dài khoảng 0,13 km.

- Tuyến 8: Điểm đầu giao với tuyến 1 tại nút giao N6, điểm cuối giao với tuyến 2 và tuyến 3 tại nút giao N15. Chiều dài tuyến 0,15 km.

b) Mặt cắt ngang

- Tuyến 1: Quy mô bề rộng nền đường $B_n = 28,0$ m, trong đó chiều rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m, hè đường trái $B_{ht} = 4,0$ m và dải phân cách với đường hiện trạng $B_{dpc} = 17,0$ m.

- Tuyến 2: Quy mô bề rộng nền đường $B_n = 26,0$ m, trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 20,5$ m, lề đất trái $B_{ldp} = 0,5$ m và hè đường phải $B_{hp} = 5,0$ m.

- Tuyến 3: Đoạn Km0+000 - Km0+170 có quy mô bề rộng nền đường $B_n = 20,5$ m, trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 10,5$ m và hè đường $B_h = (2 \times 5,0) = 10,0$ m. Đoạn Km0+170 đến cuối tuyến có quy mô bề rộng nền đường $B_n = 18,5$ m, trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 10,5$ m, hè đường trái $B_{ht} = 3,0$ m và hè đường phải $B_{hp} = 5,0$ m.

- Tuyến 5, 6, 7, 8: Quy mô bề rộng nền đường $B_n = 15,0$ m, trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 7,0$ m và hè đường $B_h = (2 \times 4,0) = 8,0$ m.

c) *Mặt cắt dọc*: Cao độ đường đảm bảo phù hợp với cao độ tại các điểm không chế theo quy hoạch đã được phê duyệt.

d) *Nền đường*: Đắp nền đường đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp tiếp giáp đáy móng dày 50 cm đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

đ) *Mặt đường*: Sử dụng áo đường mềm với các lớp kết cấu từ trên xuống dưới gồm lớp bê tông nhựa chặt 16 dày 7,0 cm, tưới nhựa thấm bảm, lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15,0 cm và lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 17,0 cm.

e) *Các công trình khác*

- Bó vỉa, đan rãnh bằng bê tông xi măng, lát vỉa hè bằng gạch giả đá.

- Thiết kế các nút giao đồng mức đảm bảo vượt nổi êm thuận và an toàn giao thông; bố trí hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường giao thông theo quy định.

- Xây dựng tường chắn phía trái tuyến 3 để hạn chế ảnh hưởng đến dự án khác và đảm bảo ổn định của nền đường.

7.2. Thoát nước mưa: Xây dựng rãnh thoát nước B600, B800 và B1000 nằm dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông, kết hợp các hố ga, hố thu để thoát nước mưa cho khu vực; các vị trí ngang đường xây dựng cống hộp $B \times H = (1,0 \times 1,0)$ m và $B \times H = (1,2 \times 1,2)$ m; riêng đối với tuyến 3 bố trí thêm các cống tròn D300 ngang đường để thu nước từ hố ga phía trái tuyến về rãnh thoát nước.

7.3. Thoát nước thải: Xây dựng đường ống HDPE D300 dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông kết hợp ống cống PVC D140, D110, các hố ga để thu gom nước thải sinh hoạt và trạm xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm.

7.4. Cấp nước sinh hoạt: Xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống nhựa HDPE D(63÷110); bố trí các trụ cứu hỏa theo quy định, đáp ứng yêu cầu công tác phòng cháy chữa cháy.

7.5. Cấp điện và chiếu sáng

- Xây dựng đường dây trung thế 22kV theo kiểu đi ngầm, trạm biến áp công suất 400kVA - 22/0,4kV và đường dây hạ thế 0,4kV đi nổi trên không để cấp điện cho khu vực.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường giao thông để đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự và mỹ quan khu vực.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn phòng cháy chữa cháy cho nhà ở và công trình;

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Báo hiệu đường bộ;
- QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13567:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 6379:2024 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy;
- TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép;
- TCVN 13608:2023 Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế;
- 11TCN-(18-21)-2006 Quy phạm trang bị điện;
- TCVN 7447:2015 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp;
- Và các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng:	13.293.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	29.440.085.000	đồng;
- Chi phí thiết bị:	3.724.617.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	715.158.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.499.140.000	đồng;
- Chi phí khác:	692.702.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	5.635.298.000	đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm (2026÷2027).

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh từ chi phí giải phóng mặt bằng của dự án Xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 4,04 ha.

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Thực hiện hoàn chỉnh công tác giải phóng mặt bằng trên toàn bộ phạm vi thực hiện dự án.

- Phương án giải phóng mặt bằng: Giao Ủy ban nhân dân phường Tam Điệp tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật.

14. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp (cũ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 6490/SXD-QLXD ngày 27 tháng 6 năm 2026; triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng, trong bước thiết kế bản vẽ thi công, chỉ đạo đơn vị tư vấn tính toán đầy đủ, kỹ lưỡng thiết kế và dự toán, lựa chọn giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, định mức, đơn giá phù hợp, cân bằng đào - đắp hợp lý để tận dụng tối đa khối lượng đất đào (nếu có), bảo đảm an toàn, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ chung của dự án Xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I); kiểm soát chặt chẽ chi phí không để vượt tổng mức đầu tư.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tam Điệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.

DL_VP4_76.QĐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cao Sơn